UBND XÃ HIỆP ĐỨC **PHÒNG VĂN HÓA -XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 504/QĐ-PVHXH	*Hiệp Đức, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức

TRƯỞNG PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ HIỆP ĐỨC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ tài chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hiệp Đức về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức *(Chi tiết theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, công chức của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- UBND xã (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. HIỆP ĐỨC - TP ĐÀ NẴNG

Lê Thị Hồng Diêu

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức **Mẫu biểu số 75**

Chương: 832

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (06 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số 504/QĐ-PVHXH ngày 08/7/2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**45.598.552.387**	**24.439.592.372**	**53,60**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**8.748.624.887**	**4.850.393.452**	**55,44**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.573.081.887	1.748.069.972	48,92	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	5.175.543.000	3.102.323.480	59,94	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**189.500.000**	**18.327.000**	**9,67**	
2.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
2.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	189.500.000	18.327.000	9,67	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**649.444.000**	**90.454.000**	**13,93**	
3.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	200.000.000	41.010.000	20,51	
3.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	449.444.000	49.444.000	11,00	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**2.964.747.000**	**1.341.112.800**	**45,24**	
4.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10.390.000	4.980.000	47,93	
4.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.954.357.000	1.336.132.800	45,23	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**13.891.478.500**	**6.699.455.000**	**48,23**	
5.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	157.244.200	8.650.000		
5.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	13.734.234.300	6.690.805.000	48,72	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**120.000.000**	**114.050.000**	**95,04**	
6.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
6.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	120.000.000	114.050.000	95,04	
7	**Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**	**105.000.000**	**15.000.000**	**14,29**	
7.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				

7.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	105.000.000	15.000.000	14,29	
8	**Chi khác**	**16.686.000**			
7.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
7.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	16.686.000			
9	**Chi bảo đảm xã hội (KP thực hiện pháp lệnh ưu đãi Người có công)**	**18.913.072.000**	**11.310.800.120**	**59,80**	
9.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
9.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	18.913.072.000	11.310.800.120	59,80	

Ngày 08 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ký, dấu)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. HIỆP ĐỨC - T.P QUẢNG NGÃI

Hồ Thị Hồng Diệu